

Số: 02 /2019/QĐ-UBND

Vinh Long, ngày 07 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định nội dung, mức hỗ trợ đầu tư áp dụng
Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp,
lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung, mức hỗ trợ đầu tư áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT; Bộ TC; Bộ KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Như Điều 3;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh Vinh Long;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu: VT.4.01.05



Nguyễn Văn Quang

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức hỗ trợ đầu tư áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02 /2019/QĐ-UBND ngày 07/ 01 /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ đầu tư đối với sản xuất, sơ chế các sản phẩm nông lâm thủy sản áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, sơ chế các loại sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn thuộc Danh mục sản phẩm được hỗ trợ quy định tại Điều 3 của Quy định này.

Điều 3. Danh mục sản phẩm được hỗ trợ

1. Sản phẩm thuộc các nhóm sản phẩm được quy định tại Điều 2 Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

2. Sản phẩm đặc thù của tỉnh ngoài danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được quy định tại khoản 1 Điều này, bao gồm: khoai lang, bò thịt.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Người sản xuất được đề nghị hỗ trợ kinh phí áp dụng VietGAP đối với một hoặc nhiều nội dung theo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

2. Người sản xuất phải xây dựng hoặc tham gia dự án về áp dụng VietGAP được UBND tỉnh phê duyệt. Thành phần nội dung dự án phải đảm bảo các quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT.

3. Việc hỗ trợ chỉ được thực hiện sau khi sản phẩm được đánh giá, chứng nhận VietGAP. Người sản xuất đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các nội dung, thông tin đã cung cấp.

Điều 5. Điều kiện người sản xuất được hỗ trợ

Người sản xuất phải đáp ứng đủ 2 điều kiện sau:

1. Đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 4 của Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ

trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và quy định tại Điều 4 của Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 của liên bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTG ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

2. Sản phẩm đăng ký áp dụng VietGAP phải thuộc Danh mục sản phẩm quy định tại Điều 3 Quy định này và đáp ứng yêu cầu về quy mô cây trồng, vật nuôi, thủy sản được hỗ trợ quy định tại Điều 1 Quyết định số 2391/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định quy mô diện tích các vùng sản xuất tập trung đủ điều kiện áp dụng VietGAP trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Chương II **NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ ÁP DỤNG** **QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT**

Điều 6. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Đầu tư hỗ trợ 100% kinh phí điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông, lâm, thủy sản áp dụng VietGAP. Mức kinh phí hỗ trợ theo các quy định hiện hành đối với từng lĩnh vực sản xuất.

2. Hỗ trợ không quá 50% tổng vốn đầu tư xây dựng, cải tạo: đường giao thông, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất tập trung để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP theo dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án. Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định quản lý đầu tư.

3. Hỗ trợ một lần 100% kinh phí: đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; dạy nghề cho lao động nông thôn áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn; biên soạn, in ấn tài liệu, biểu mẫu phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn. Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của các chương trình, dự án lồng ghép thực hiện VietGAP.

4. Hỗ trợ người sản xuất một lần 100% kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP. Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/dự án.

5. Hỗ trợ 50% kinh phí áp dụng tiên bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM). Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

6. Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại: Đối tượng áp dụng và mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Vĩnh Long.

7. Ngoài các hạng mục hỗ trợ nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này, người sản xuất còn được hưởng các chính sách hỗ trợ và ưu đãi khác theo quy định hiện

hành nhưng không trùng lặp với nội dung hỗ trợ quy định tại Điều này.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ

1. Ngân sách Nhà nước đầu tư và hỗ trợ đầu tư thông qua các Dự án, Chương trình mục tiêu về áp dụng VietGAP và các Dự án, Chương trình mục tiêu khác có liên quan; kinh phí khuyến nông, kinh phí sự nghiệp nghiên cứu khoa học.

2. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn nêu tại Phụ lục II của Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013.

3. Nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác có liên quan và các nguồn kinh phí sự nghiệp khác đầu tư, hỗ trợ cho các dự án áp dụng VietGAP.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này. Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện chính sách và các vướng mắc, phát sinh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định hồ sơ đăng ký áp dụng VietGAP, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn người sản xuất về trình tự thủ tục đề nghị hỗ trợ kinh phí áp dụng VietGAP theo Điều 6 của văn bản này.

- Công bố điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan để làm cơ sở xác định các vùng sản xuất tập trung đủ điều kiện áp dụng VietGAP tại địa phương.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với các Bộ, ngành Trung ương thông qua các chương trình, dự án để hỗ trợ đầu tư kinh phí xây dựng, cải tạo kết cấu hạ tầng vùng có đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp và thủy sản tập trung đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn VietGAP; xây dựng các chương trình, dự án về áp dụng VietGAP được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

- Định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện chính sách từ cấp huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, cân đối nguồn kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính cân đối các nguồn vốn, xây dựng kế hoạch phân bổ kinh phí hỗ trợ các dự án VietGAP trình Ủy

ban nhân dân tỉnh quyết định; thực hiện theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; tham gia thẩm định các nội dung liên quan theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lồng ghép các chương trình, dự án để đầu tư, hỗ trợ cho các dự án VietGAP trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn người sản xuất đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghệ trong và ngoài nước cho các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản đã được cấp giấy chứng nhận VietGAP khi có nhu cầu.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các đề tài, dự án về nghiên cứu chuyên giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng các mô hình sản xuất, chế biến các sản phẩm VietGAP.

5. Sở Công Thương

Hàng năm, xây dựng kế hoạch, chương trình xúc tiến thương mại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để hỗ trợ giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn VietGAP.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Hướng dẫn cho người sản xuất lập các hồ sơ, thủ tục về tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về đất đai, môi trường (đối với những tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất) và thực hiện hồ sơ môi trường được phê duyệt theo thẩm quyền đối với tổ chức hoạt động sản xuất, sơ chế sản phẩm VietGAP.

7. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn các cơ sở đào tạo nghề tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động tại nơi áp dụng VietGAP.

8. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm trong sơ chế, chế biến sản phẩm VietGAP.

9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long

Chỉ đạo các Ngân hàng Thương mại trên địa bàn tỉnh ưu tiên bố trí nguồn vốn vay cho các chương trình, dự án sản xuất, sơ chế các sản phẩm nông, lâm, thủy sản theo VietGAP.

10. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký áp dụng quy trình VietGAP để được hưởng các cơ chế chính sách theo quy định.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan trong xét duyệt đối tượng đăng ký thực hiện các dự án VietGAP.

- Xây dựng, triển khai thực hiện các dự án sản xuất có áp dụng VietGAP trên địa bàn huyện.

- Phối hợp chủ đầu tư, đơn vị thực hiện dự án theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm áp dụng VietGAP của người sản xuất theo địa bàn quản lý.

11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Lòng ghép phổ biến chính sách hỗ trợ áp dụng VietGAP và các chính sách có liên quan về thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trong các cuộc họp, tiếp xúc giữa chính quyền và nhân dân để thông tin cho tổ chức, cá nhân biết và tham gia dự án sản xuất VietGAP.

- Hỗ trợ người sản xuất xây dựng, ký kết hợp đồng tiêu thụ, phương án tiêu thụ sản phẩm VietGAP; Theo dõi tình hình đăng ký áp dụng VietGAP của người sản xuất và tình hình triển khai các dự án sản xuất có áp dụng VietGAP trên địa bàn xã.

12. Trách nhiệm của người sản xuất

- Thực hiện đúng trách nhiệm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm; các quy định tại Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; Thông tư số 06/2018/TT-BNNPTNT về sửa đổi thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 21/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; các quy định, hướng dẫn liên quan về VietGAP do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và những quy định khác có liên quan.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ; Báo cáo kết quả thực hiện dự án, chương trình về cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định của các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp. *[Handwritten mark]*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Nguyễn Văn Quang